

Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; địa chỉ tạm trú: Số A, Tổ B, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Trí T, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Tổ N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Số A, Tổ B, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyền số 01, ngày 05/5/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T có 01 con chung là Trần Phan Bảo L, sinh ngày 29/9/2014. Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T thống nhất để bà Phan Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T thống nhất ông Trần Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Phan Bảo L, sinh ngày 29/9/2014 với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 18/01/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nên Tòa án sẽ công nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (08/01/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Phan Bảo L, sinh ngày 29/9/2014 cho bà Phan Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Phan Bảo L, sinh ngày 29/9/2014 với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 18/01/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Trí T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông T còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị H và ông Trần Trí T mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0050953 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Cao Nhật Thanh